

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRÙNG KHÁNH
TỈNH CAO BẰNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 40/2021/HS-ST
Ngày 11/6/2021

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRÙNG KHÁNH, TỈNH CAO BẰNG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông La Văn Viên.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nông Thế Hạp và bà Nguyễn Thị Minh Tâm.

Thư ký phiên tòa: Ông Nông Văn Quỳnh- Thư ký Tòa án- Tòa án nhân dân huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng tham gia phiên tòa: Ông Lương Văn Dũng- Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 6 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng đã tiến hành xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 20/2021/TLST-HS ngày 19 tháng 4 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 27/2021/QĐXXST-HS ngày 07 tháng 5 năm 2021; Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2021/HSST-QĐ ngày 19/5/2021 đối với các bị cáo:

1. Nông Văn T; Giới tính: Nam; Sinh ngày 29 tháng 3 năm 1993 tại xã Đ, huyện T, tỉnh Cao Bằng.

Hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: xóm L, xã Đ, huyện T, tỉnh Cao Bằng; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Nùng; Nghề nghiệp: Trồng trọt; Trình độ học vấn: 09/12; Chức vụ đoàn thể đảng phái: Không; Con ông Nông Văn D, sinh năm 1968 và bà Mạc Thị L, sinh năm 1969; Vợ: Triệu Thị H, sinh năm 1997; Con: Nông Thị Kim N, sinh năm 2018, hiện đang ở với mẹ; Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị bắt tạm giữ ngày 13/12/2020, hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện T, tỉnh Cao Bằng. *Có mặt.*

2. Hoàng Văn C; Giới tính: Nam; Sinh ngày 11 tháng 01 năm 1991 tại xã Đ, huyện T, tỉnh Cao Bằng.

Hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: xóm L, xã Đ, huyện T, tỉnh Cao Bằng; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Nùng; Nghề nghiệp: Trồng trọt; Trình độ học vấn: 06/12; Chức vụ đoàn thể đảng phái: Không; Con ông Hoàng Văn R, đã chết; Con bà Tô Thị Y, sinh năm 1961; Vợ: Nông Thị T, sinh năm 1994; Con: Bị cáo có 02 con, con lớn sinh năm 2014, con nhỏ sinh năm 2018;

Tiền án: 01 tiền án, năm 2018 bị Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Cao Bằng xử phạt 06 tháng tù về Tội trộm cắp tài sản. Ngày 08/4/2019 chấp hành xong hình phạt tù trở về địa phương; Tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ ngày 13/12/2020, hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện T, tỉnh Cao Bằng. *Có mặt.*

3. Hoàng Văn T; Giới tính: Nam; Sinh ngày 27 tháng 7 năm 1995 tại xã Đ, huyện T, tỉnh Cao Bằng.

Hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: xóm L, xã Đ, huyện T, tỉnh Cao Bằng; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Nùng; Nghề nghiệp: Trồng trọt; Trình độ học vấn: 06/12; Chức vụ đoàn thể đảng phái: Không; Con ông Hoàng Văn C, sinh năm 1971 và bà Hoàng Thị B, sinh năm 1972; Vợ, con: Chưa có; Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị bắt tạm giữ ngày 13/12/2020, hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện T, tỉnh Cao Bằng. *Có mặt.*

4. Hoàng Văn D; Giới tính: Nam; Sinh ngày 12 tháng 8 năm 1995 tại xã Đ, huyện T, tỉnh Cao Bằng.

Hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: xóm L, xã Đ, huyện T, tỉnh Cao Bằng; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Nùng; Nghề nghiệp: Trồng trọt; Trình độ học vấn: 09/12; Chức vụ đoàn thể đảng phái: Không; Con ông Hoàng Văn Y, sinh năm 1976 và bà Triệu Thị T, sinh năm 1977; Vợ: Nông Thị H, sinh năm 1998; Con: Chưa có; Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị bắt tạm giữ ngày 13/12/2020, hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện T, tỉnh Cao Bằng. *Có mặt.*

- Người bào chữa:

1. Bà Nông Thị Thu T- Trợ giúp viên pháp lý Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Cao Bằng bào chữa cho bị cáo Hoàng Văn C và Nông Văn T. *Có mặt.*

2. Bà Lý Thị N- Trợ giúp viên pháp lý Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Cao Bằng bào chữa cho bị cáo Hoàng Văn T và Hoàng Văn D. *Có mặt.*

- Bị hại: Trương Đình T2, sinh năm 1972; địa chỉ: xóm Đ, xã N, huyện Q, Nghệ An. *Vắng mặt, không có lý do.*

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ngô Văn T, sinh năm 1993; địa chỉ: tổ 4, thị trấn T, huyện T, Cao Bằng. *Vắng mặt, có đơn xin xử vắng mặt.*

2. Phạm Ngọc H, sinh năm 1983; địa chỉ: tổ 4, thị trấn T, huyện T, Cao Bằng. *Có mặt.*

3. Phạm Ngọc B, sinh năm 1988; địa chỉ: xóm P, xã C, huyện T, Cao Bằng. *Vắng mặt, có đơn xin xử vắng mặt.*

4. Trương Thị T, sinh năm 1947; địa chỉ: xóm Đ, xã N, huyện Q, Nghệ An. *Vắng mặt, có đơn xin xử vắng mặt.*

5. Lý Trần T, sinh năm 1990; địa chỉ: tổ 2, thị trấn T, huyện T, Cao Bằng. *Có mặt.*

- Người làm chứng: Nông Thị T, sinh năm 1994; trú tại xóm Đ, xã C, huyện T, Cao Bằng. *Vắng mặt, không lý do.*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 09 giờ 00 phút ngày 05/12/2020, Nông Văn T, sinh năm 1993, trú tại xóm L, xã Đ, huyện T, tỉnh Cao Bằng đang ngủ ở nhà nhận được điện thoại của một người quen tên T1, người ở Nghệ An (không biết họ, tên đệm và địa chỉ cụ thể) nhờ T đến nhà nghỉ 186 thuộc xóm B, thị trấn T, huyện T đòi tiền một người. T đồng ý và gọi thêm Hoàng Văn D, sinh năm 1995, Hoàng Văn C, sinh năm 1991 và Hoàng Văn T, sinh năm 1995 ở cùng xóm đi đòi nợ. Cả bốn người đi xe taxi do Lý Trần T, sinh năm 1990, trú tại Tổ 2, thị trấn T, huyện T điều khiển đến nhà nghỉ 186. Khi đến nơi, T đỗ xe ở sân và đi vào quầy lễ tân ngồi đợi. Do T1 nói cho T biết số phòng nên T dẫn D, C, T đi vào phòng nghỉ C2. Thấy Trương Đình T2, sinh năm 1972, trú tại xóm Đ, xã N, huyện Q, tỉnh Nghệ An đang ngồi trên giường. Nông Văn T gọi video qua ứng dụng Wechat cho T1, T1 xác nhận đúng người cần đòi nợ. Nông Văn T lên tiếng đòi T2 trả nợ số tiền 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng). T2 trả lời “Không có tiền, không nợ nần ai cả”. Nông Văn T, C dùng tay tát vào mặt T2 trước, sau đó Hoàng Văn T cũng dùng tay tát vào mặt T2. Hoàng Văn T mang gậy rút ra dọa. Sau đó C, Nông Văn T cũng thay nhau cầm gậy rút chỉ vào mặt T2 đe dọa nếu không trả tiền sẽ đánh. Còn D đi ra ngoài cửa để cảnh giới. Do không đòi được tiền, Nông Văn T bảo T2 đi theo nhóm của Nông Văn T. T2 thu dọn đồ, ra quầy lễ tân thanh toán, lấy chứng minh thư nhân dân rồi đi lên xe taxi. Hoàng Văn T chỉ đường để lái xe taxi đi vào đoạn đường gần một hang đá thuộc xóm B, thị trấn T, cách nhà nghỉ 186 khoảng 01 km. Khi đến nơi, T, Hoàng Văn T, C đưa T2 vào trong hang. D đứng ở cửa hang cảnh giới. Tại đây, T, Hoàng Văn T, C mỗi người tát 02 cái vào mặt T2 và dùng gậy rút đe dọa buộc T2 trả nợ. T cầm gậy rút đánh một phát vào mặt T2. Sợ bị đánh tiếp, T2 xin gọi điện cho người nhà để chuyển tiền cho T. Hoàng Văn T yêu cầu chuyển 15.000.000 đồng (Mười năm triệu đồng). T2 gọi điện thoại cho mẹ của T2 là bà Trương Thị T sinh năm 1947, trú tại xóm Đ, xã N, huyện Q, tỉnh Nghệ An. Bà T không có tiền nên mang xe mô tô đi cầm đồ được 12.000.000 đồng (Mười hai triệu đồng). Sau đó chuyển tiền qua ứng dụng Internet banking của ngân hàng BIDV trên điện thoại vào số tài khoản mà C cung cấp (Do không ai có tài khoản ngân hàng nên C nhờ số tài khoản của Ngô Văn T, sinh năm 1993, trú tại Tổ 4, thị trấn T, huyện T). Sau khi chuyển khoản thành công, người nhà của T2 chụp ảnh và gửi zalo về máy của T2. Lúc này, xác định tiền đã được chuyển vào tài khoản của Ngô Văn T, cả nhóm yêu cầu T2 lấy hết tài sản trong người của T2 ra. C cầm lấy 01 điện thoại Vivo, 01 điện thoại Oppo, 01 đồng hồ đeo tay; Hoàng Văn T cầm lấy 01 điện thoại Iphone, 01 nhẫn kim loại màu vàng. Sau đó cả nhóm gọi xe taxi của T đến đón. Đến đường rẽ vào nhà nghỉ 186 thì cho T2 xuống xe rồi cả nhóm đi lên ngã tư Đình Văn để C vào nhà Ngô Văn T lấy số tiền 12.000.000 đồng (mười hai triệu đồng) người nhà T2 đã chuyển khoản. Cả nhóm tiếp tục đi bán 01 điện thoại di động Vivo cho cửa hàng cầm đồ Phạm Ngọc H ở Tổ 4, thị trấn T, huyện T được 1.700.000 đồng (một triệu bảy trăm nghìn đồng); bán 01 nhẫn ở cửa hàng vàng bạc Kim Trang ở Tổ 2, thị trấn T nhưng là đồ mỹ ký, không bán được. Sau đó cả nhóm đi ăn uống ở thị trấn T hết 1.000.000 đồng (Một triệu đồng). Ăn xong, T gọi điện cho T1 hỏi tiền công, tiền taxi. T1 cho T 1.000 nhân dân tệ và bảo T qua cửa hàng Gas Ngọc Bích ở tổ 2, thị

trần T lấy tiền. Đến nơi, T nhận 1.000 nhân dân tệ với T1 và đi vào cửa hàng gas đổi được 3.500.000 đồng (Ba triệu năm trăm nghìn đồng). Sau đó 04 người đi xe taxi của T về nhà. Trên xe, cả nhóm bán 01 điện thoại Oppo vừa cướp được cho T với giá 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng). Sau khi trừ tiền xe taxi, Lý Văn T đưa cho T 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng). Về đến xóm L, cả bốn người đi vào quán tạp hóa uống nước và chia tiền. T đưa hết số tiền cho C chia cho mỗi người được 4.300.000 đồng (Bốn triệu ba trăm nghìn đồng). Mỗi người góp 100.000 đồng (Một trăm nghìn đồng) trả tiền quán. Ngày 06/12/2020, Hoàng Văn T, C, D ra Cửa hàng điện thoại của Phạm Ngọc B ở xóm P, xã C, huyện T cầm cố điện thoại Iphone 6 Plus được 1.500.000 đồng (Một triệu năm trăm nghìn đồng). Hoàng Văn T cầm tiền chia cho D 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), chia cho T 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) và trả tiền ăn uống hết 500.000 đồng (Năm trăm nghìn đồng). Hoàng Văn T giữ lại 500.000 đồng (Năm trăm nghìn đồng), chưa kịp chia cho D. Sau khi được xe đưa đến đường rẽ, T2 đi bộ vào nhà nghỉ 186, đến quầy lễ tân gặp Đặng Trọng T là chủ nhà nghỉ nhờ gọi điện thoại cho người nhà để chuyển tiền vào tài khoản của T. Sau khi tài khoản nhận được tiền, anh T đưa tiền cho T2 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng). Sau đó, Nông Thị T là nhân viên lễ tân điều khiển xe mô tô chở T2 lên thị trấn T để mua điện thoại. Sau đó, T2 bắt xe ra thành phố C, tỉnh Cao Bằng đến Văn phòng Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Cao Bằng trình báo vụ việc.

Quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng thu giữ 01 điện thoại di động màn hình cảm ứng, nhãn hiệu VIVO màu đỏ đen với Phạm Ngọc H; 01 điện thoại di động màn hình cảm ứng màu xám, nhãn hiệu Iphone 6 Plus, mặt điện thoại có dán tờ giấy ghi “T 06/12” và “1500” với Phạm Ngọc B; 01 điện thoại di động màn hình cảm ứng, nhãn hiệu OPPO màu đen với Lý Trần T; 01 đồng hồ đeo tay nhãn hiệu FNGEEN màu bạc, có dây đeo bằng kim loại, 01 giấy biên nhận mua bán của Thành Công mobile địa chỉ xóm P, xã C, huyện T ghi tên khách hàng “T”; 01 điện thoại di động màn hình cảm ứng nhãn hiệu nhãn hiệu VIVO 1906, màu xanh với Hoàng Văn C; 01 gậy rút có tay cầm màu đen, kéo dài ra có kích thước 64cm, 01 nhẫn kim loại màu vàng, 01 điện thoại nhãn hiệu VIVO màn hình cảm ứng; 316.000 đồng (Ba trăm mười sáu nghìn đồng) với Hoàng Văn T; 4.400.000 đồng (Bốn triệu bốn trăm nghìn đồng), 01 điện thoại di động màn hình cảm ứng, màu xanh, nhãn hiệu OPPO A9 với Nông Văn T; 01 điện thoại di động màn hình cảm ứng, màu vàng, nhãn hiệu OPPO với Hoàng Văn D; 01 thẻ ATM ngân hàng Agribank mang tên NGO VAN THANG; 01 điện thoại Iphone 6 màu đen với Ngô Văn T để phục vụ công tác điều tra. Tại bản kết luận định giá tài sản số 02/KL - HĐĐGTS của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện T kết luận: Giá trị còn lại tại thời điểm ngày 05/12/2020 của các tài sản: Điện thoại di động màn hình cảm ứng, nhãn hiệu OPPO A3S, màu đen, đã qua sử dụng: 1.204.000 đồng. Điện thoại di động màn hình cảm ứng, nhãn hiệu VIVO Y3, màu đỏ đen, đã qua sử dụng: 1.995.000 đồng. Điện thoại di động, màn hình cảm ứng, nhãn hiệu Apple Iphone 6 Plus, màu xám, đã qua sử dụng: 2.443.000 đồng. Đồng hồ đeo tay, nhãn hiệu FNGEEN, màu bạc, có dây đeo bằng kim loại: 140.000 đồng. Nhẫn kim loại màu

vàng, dạng mỹ ký, đã qua sử dụng: 45.000 đồng. Tổng cộng: 5.782.000 đồng (Năm triệu bảy trăm tám mươi hai nghìn đồng).

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Trùng Khánh tiến hành lấy lời khai những người làm chứng, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan phù hợp với lời khai của các bị cáo, bị hại.

Quá trình điều tra, gia đình của 04 bị cáo đã tự nguyện nộp tổng cộng 20.000.000 đồng tiền khắc phục hậu quả tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng.

Tại bản cáo trạng số 22/CT-VKSTK, ngày 19 tháng 4 năm 2021, Viện kiểm sát nhân dân huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng đã truy tố các bị cáo Nông Văn T, Hoàng Văn T, Hoàng Văn C và Hoàng Văn D về tội “*Cướp tài sản*” theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 168 Bộ luật Hình sự 2015.

Tại phiên tòa, các bị cáo đều thừa nhận Cáo trạng phản ánh đúng diễn biến hành vi phạm tội, việc truy tố là đúng người, đúng tội và đúng pháp luật. Các bị cáo nhận thức được hành vi đã thực hiện là vi phạm pháp luật, mong Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

Tại Cơ quan điều tra, bị hại Trương Đình T2 khai: Khoảng 12 giờ trưa ngày 05/12/2020 tôi vào nhà nghỉ 186 ở huyện T, Cao Bằng. Khi đến cổng nhà nghỉ có 4 - 5 thanh niên ngồi ở cổng tôi lên phòng được khoảng 5 phút thì có người gõ cửa, tôi mở cửa thì có 4 người xông vào phòng đóng cửa và nói mày có bao nhiêu tiền đưa cho bọn tao, tôi nói không có tiền thì bọn nó bảo gọi cho người nhà hay bạn bè chuyển tiền nếu không sẽ giết bọn nó đánh và dí dao vào sườn tôi bắt tôi lên xe ô tô đến một hang đá cách nhà nghỉ khoảng 2km đánh đập tôi và dọa giết, bọn nó bắt tôi gọi cho mẹ tôi chuyển 15.000.000 đồng mẹ tôi đi cầm xe máy được 12.000.000 đồng chuyển vào tài khoản cho bọn nó và bọn nó lấy của tôi 3 điện thoại di động, 01 đồng hồ đeo tay và 01 nhẫn đề nghị Cơ quan Công an tỉnh Cao Bằng xác minh điều tra bắt 4 đối tượng trả lại tiền, các điện thoại và trưng trị bọn bắt cóc tổng tiền cướp tài sản (BL 203, 207, 208).

Tại Cơ quan điều tra và trong đơn xin xử vắng mặt, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ngô Văn T khai: khoảng 11 giờ ngày 05/12/2020 tôi đang đi Taxi đón khách từ thị trấn T đi Hà Nội, khi đến Q thì có C người ở L nhắn tin với nội dung là tý đi rút tiền cho C do C nói là có người chuyển tiền vào số tài khoản của tôi. Do tôi không ở nhà, C đã chuyển tiền vào tài khoản của tôi nên tôi bảo cứ qua nhà tôi để vợ tôi đưa tiền cho với số tiền 12.000.000 đồng, tôi không rõ nguồn gốc và cũng không được hưởng lợi nhuận gì mong cơ quan Công an trả lại 01 điện thoại và 01 thẻ Agribank cho tôi (BL 229 - 234). Do tôi có việc đột xuất nên xin xét xử vắng mặt.

Tại Cơ quan điều tra và tại đơn xin xét xử vắng mặt ngày 14/5/2021, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Phạm Ngọc B khai: Tầm trưa ngày 06/12/2020, có ba người đàn ông đến cửa hàng mua bán điện thoại của tôi, trong đó tôi biết C và mang 01 điện thoại nhãn hiệu Apple Iphone6 Plus, màu xám đã qua sử dụng để cầm cố tôi nhận cầm với số tiền 1.500.000 đồng. Do tôi không biết đó là tài sản do phạm tội mà có, nay tôi không có yêu cầu đòi lại số tiền 1.500.000 đồng đã

đưa cho nhóm của C, tôi không có yêu cầu gì thêm (BL 225 - 228). Do tôi có việc đột xuất nên xin xét xử vắng mặt.

Tại phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Lý Trần T khai: Khoảng 09 giờ ngày 05/12/2020 có người đàn ông (không biết là ai) gọi điện thoại cho tôi bảo xuống đầu làng L, xã Đ đón khách nên tôi đồng ý. Đến nơi tôi chở 04 người đàn ông lên đến nhà nghỉ 186 ở thị trấn T tôi ngồi trên xe ô tô đợi, trên đường chở 04 người đàn ông về xã Đ thì tôi nghe được họ muốn bán 01 điện thoại OPPO màu đen với giá 3.000.000 đồng. Tôi không biết nguồn gốc chiếc điện thoại là do phạm tội mà có, số tiền đã đưa cho 04 bị cáo để mua điện thoại thì tôi cũng không yêu cầu lấy lại.

Tại phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Phạm Ngọc H khai: Vào ngày 05/12/2020 tôi có được mua 01 điện thoại di động nhãn hiệu VIVO, màn hình cảm ứng với 04 người đàn ông, trong đó có một người tên C ở xóm L, xã Đ với giá 1.700.000 đồng. Tôi không biết nguồn gốc chiếc điện thoại mà tôi mua, tôi yêu cầu các bị cáo trả lại cho tôi số tiền trên.

Trong đơn xin xét xử vắng mặt ngày 19/5/2021 và lời khai trong quá trình điều tra, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Trương Thị T trình bày: Khoảng 11 giờ ngày 05/12/2020 tôi đang ngủ ở nhà thì T2 gọi điện cho tôi “Mẹ cứu con, không có ai cứu con được nữa”, tôi hỏi thì T2 mới nói là bị đòi tiền và xoay cho T2 15.000.000 đồng sau đó tôi lấy xe máy của tôi đi cầm đồ được 12.000.000 đồng. Sau đó tôi gọi cho cháu Trương Thị H (con gái T2) giúp tôi chuyển khoản số tiền 12.000.000 đồng đến số tài khoản ngân hàng Agribank 8306205059541 (do T2 đọc cho), từ sau ngày 05/12/2020 T2 không về nhà và không liên lạc gì với tôi nữa tôi mong Tòa án buộc các đối tượng cướp trả lại số tiền 12.000.000 đồng cho tôi và các tài sản khác mà các đối tượng cướp đã lấy của con trai tôi, vì hiện nay con trai tôi Trương Đình T2 không có mặt tại địa phương, đi đâu không rõ nên tôi sẽ nhận thay cho con trai tôi. Về hình phạt, đề nghị xử lý các bị cáo theo pháp luật.

Tại phần kết luận và tranh luận đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trùng Khánh vẫn giữ nguyên quan điểm như bản cáo trạng đã truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo Nông Văn T, Hoàng Văn T, Hoàng Văn C và Hoàng Văn D phạm tội “Cướp tài sản”. Về trách nhiệm hình sự: Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 168, điểm b, s khoản 1 Điều 51, Điều 58 Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo; Áp dụng thêm điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Hoàng Văn C. Xử phạt bị cáo Nông Văn T từ 08 năm tù đến 09 năm tù; xử phạt bị cáo Hoàng Văn C từ 08 năm tù đến 09 năm tù; xử phạt bị cáo Hoàng Văn T từ 07 năm 06 tháng tù đến 08 năm 06 tháng tù; xử phạt bị cáo Hoàng Văn D từ 07 năm tù đến 08 năm tù.

Về vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, đề nghị:

- Trả lại cho bị hại Trương Đình T2: 01 điện thoại di động màn hình cảm ứng, nhãn hiệu OPPO A3s; Imei1: 866531047597296; Imei2: 866531047597288, màu đen đã qua sử dụng tạm giữ đối với Lý Trần T; 01 điện thoại di động màn hình cảm ứng, nhãn hiệu VIVO Y3; Imei1: 863120050466616; Imei2:

863120050466608, màu đỏ đen đã qua sử dụng tạm giữ đối với Phạm Ngọc H; 01 điện thoại di động màn hình cảm ứng, nhãn hiệu Iphone 6 Plus; Imei: 352051074230415; màu xám đã qua sử dụng tạm giữ đối với Phạm Ngọc B; 01 nhẫn kim loại màu vàng, loại mỹ ký, đã qua sử dụng; 01 đồng hồ đeo tay, nhãn hiệu FNGEEN, màu bạc, có dây đeo bằng kim loại, cũ đã qua sử dụng;

- Trả lại cho anh Ngô Văn T 01 thẻ ATM ngân hàng Agribank màu xanh mang tên NGO VAN THANG; 01 điện thoại di động Iphone, màu đen.

- Tịch thu tiêu hủy 01 gậy rút có tay cầm màu đen, kéo dài ra có kích thước 64cm; 01 giấy biên nhận mua bán của Thành Công Moblie địa chỉ xóm P, xã C, huyện T tên khách hàng T.

- Tịch thu sung quỹ nhà nước: 01 điện thoại di động màn hình cảm ứng, màu vàng, nhãn hiệu OPPO thu giữ đối với Hoàng Văn D; 01 điện thoại VIVO màn hình cảm ứng thu giữ đối với Hoàng Văn T; 01 điện thoại di động nhãn hiệu VIVO, màu xanh thu giữ đối với Hoàng Văn C; 01 điện thoại di động màn hình cảm ứng, màu xanh, nhãn hiệu OPPO A9 thu giữ đối với Nông Văn T.

Truy thu đối với 04 bị cáo số tiền 3.500.000 đồng là tiền Thoại chuyển cho (mỗi bị cáo bị truy thu 815.000 đồng).

Về trách nhiệm dân sự: Buộc các bị cáo phải bồi thường thiệt hại về tài sản cho bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; ghi nhận sự tự nguyện của các bị cáo bồi thường tổn thất về tinh thần cho bị hại; Về hình phạt bổ sung: Không đề nghị áp dụng; Về án phí: Buộc các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Người bào chữa Nông Thị Thu T trình bày lời bào chữa cho các bị cáo Hoàng Văn C và Nông Văn T: Về tội danh và điều luật áp dụng tôi nhất trí như kết luận Viện kiểm sát. Bị cáo Tùng có hai tình tiết giảm nhẹ, không có tình tiết tăng nặng nên đề nghị Hội đồng xét xử cân nhắc giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Đối với bị cáo Chuyên, đề nghị Hội đồng xét xử cân nhắc xử phạt bị cáo ở mức thấp nhất mà đại diện Viện kiểm sát đề nghị. Về xử lý vật chứng: Đề nghị trả lại cho các bị cáo các điện thoại đang bị tạm giữ do không liên quan đến hành vi phạm tội.

Người bào chữa Lý Thị N trình bày lời bào chữa cho các bị cáo Hoàng Văn T và Hoàng Văn D: Về tội danh và điều luật áp dụng tôi nhất trí như kết luận Viện kiểm sát. Các bị cáo có nhân thân tốt, có hai tình tiết giảm nhẹ, không có tình tiết tăng nặng nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, cân nhắc xử phạt các bị cáo mức án thấp hơn mức Viện kiểm sát đề nghị. Về xử lý vật chứng: Đề nghị trả lại cho các bị cáo các điện thoại đang bị tạm giữ do không liên quan đến hành vi phạm tội.

Đại diện Viện kiểm sát tranh luận: Đối với ý kiến của người bào chữa Nông Thị Thu T: Ý kiến bào chữa về mức hình phạt đã thống nhất với Viện kiểm sát đề nghị nên tôi không tranh luận gì thêm. Về điện thoại thu giữ của các bị cáo liên quan đến hành vi phạm tội nên cần tịch thu sung quỹ nhà nước.

Đối với ý kiến của người bào chữa Lý Thị N: Về đề nghị xử phạt các bị cáo mức án thấp hơn mức Viện kiểm sát đề nghị tôi không nhất trí. Các bị cáo phạm tội thuộc trường hợp rất nghiêm trọng, mức đó cũng đã căn cứ các tình tiết giảm

nhẹ, nhân thân của các bị cáo, do đó Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm đã đề nghị; Về điện thoại thu giữ của các bị cáo T, D nhất trí trả lại cho các bị cáo.

Người bào chữa Lý Thị N đối đáp: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét xử phạt bị cáo Hoàng Văn D mức án thấp hơn mức án Viện kiểm sát đề nghị. Tôi không có ý kiến cần tranh luận thêm.

Các bị cáo không có ý kiến bào chữa bổ sung, không tranh luận với bản luận tội của đại diện Viện kiểm sát; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không tranh luận. Khi nói lời sau cùng, các bị cáo mong Hội đồng xét xử xem xét cho hưởng mức án nhẹ nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Trùng Khánh, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện Trùng Khánh, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo, bị hại, người bào chữa và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Về hành vi phạm tội của các bị cáo, các yếu tố cấu thành tội phạm: Tại phiên tòa các bị cáo nhận tội, lời khai nhận của các bị cáo phù hợp với các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, xác định: Trưa ngày 05/12/2020, tại một hang đá thuộc xóm B, thị trấn T, huyện T, tỉnh Cao Bằng, Nông Văn T, Hoàng Văn C, Hoàng Văn T, Hoàng Văn D có hành vi dùng gậy rút bằng kim loại, dùng tay đánh Trương Đình T2 cướp tài sản của anh T2 gồm 12.000.000 đồng; 03 điện thoại di động, 01 nhẫn kim loại màu vàng, 01 đồng hồ đeo tay có tổng giá trị 5.782.000 đồng. Tổng cộng giá trị tài sản cướp được là 17.782.000 đồng.

Do vậy, bản Cáo trạng truy tố các bị cáo Nông Văn T, Hoàng Văn C, Hoàng Văn T và Hoàng Văn D về tội “*Cướp tài sản*” theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 168 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

“Điều 168. Tội cướp tài sản:

1. Người nào dùng vũ lực, đe dọa dùng vũ lực ngay tức khắc hoặc có hành vi khác làm cho người bị tấn công lâm vào tình trạng không thể chống cự được nhằm chiếm đoạt tài sản, thì bị phạt tù từ 03 năm đến 10 năm.

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 07 năm đến 15 năm....d, Sử dụng vũ khí, phương tiện hoặc thủ đoạn nguy hiểm khác.”

Các bị cáo là người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi cướp tài sản là vi phạm pháp luật nhưng do coi thường pháp luật

nên đã cố tình thực hiện hành vi phạm tội. Các bị cáo phạm tội thuộc trường hợp rất nghiêm trọng, hành vi của các bị cáo đã trực tiếp xâm phạm đến quyền tài sản của cá nhân được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an tại địa phương và gây tâm lý hoang mang cho quần chúng nhân dân nên phải bị xử lý nghiêm minh theo quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử xét thấy cần phải áp dụng hình phạt tù có thời hạn mới tương xứng với tính chất mức độ hành vi của các bị cáo, tiếp tục cách ly các bị cáo khỏi xã hội một thời gian nhất định để giáo dục, cải tạo và đấu tranh phòng ngừa chung.

Lý Trần T, Phạm Ngọc H, Phạm Ngọc B khi mua điện thoại với các bị cáo trên không biết tài sản do phạm tội mà có. Do đó, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Trùng Khánh không xử lý đối với T, H, B là đúng quy định pháp luật.

Đối tượng tên T1 do không xác minh được địa chỉ cụ thể nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Trùng Khánh không xử lý ở vụ án này là có căn cứ, đúng quy định pháp luật.

[3]. Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

- Tình tiết tăng nặng: Bị cáo Hoàng Văn C có 01 tiền án chưa được xóa án tích lại tiếp tục phạm tội nên bị áp dụng 01 tình tiết tăng nặng là “*Tái phạm*” theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

- Tình tiết giảm nhẹ: Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; quá trình điều tra các bị cáo đã tác động gia đình nộp tiền vào Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trùng Khánh 20.000.000 đồng nhằm khắc phục hậu quả. Do đó, cả bốn bị cáo được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[4]. Mức hình phạt Kiểm sát viên đề nghị áp dụng đối với các bị cáo là phù hợp nhận định của Hội đồng xét xử, phù hợp với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của từng bị cáo nên được chấp nhận.

[5]. Về ý kiến của người bào chữa: Lời bào chữa của người bào chữa cho các bị cáo Nông Văn T, Hoàng Văn C về hình phạt phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, phù hợp với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của từng bị cáo nên được chấp nhận.

Lời bào chữa của người bào chữa cho các bị cáo Hoàng Văn T, Hoàng Văn D đề nghị xử các bị cáo mức án thấp hơn mức án Viện kiểm sát đề nghị. Hội đồng xét xử xét thấy các bị cáo phạm tội thuộc trường hợp rất nghiêm trọng, sử dụng hung khí nguy hiểm cướp tài sản trị giá 17.782.000 đồng. Xét tính chất mức độ hành vi phạm tội là rất nguy hiểm cho xã hội, cần xử phạt nghiêm minh nên Hội đồng xét xử không chấp nhận đề nghị của người bào chữa. Mức án Kiểm sát viên đề nghị là phù hợp, mức đó cũng đã căn cứ các tình tiết giảm nhẹ, nhân thân của các bị cáo.

Về đề nghị trả lại các điện thoại đang bị tạm giữ cho các bị cáo Nông Văn T, Hoàng Văn C: bị cáo Nông Văn T sử dụng điện thoại trực tiếp liên lạc với T1 để đi đòi nợ, sau khi cướp được tài sản của bị hại, T còn sử dụng điện thoại để liên lạc yêu cầu T1 trả tiền công đòi nợ; đối với bị cáo C, sau khi cướp được tài sản bị cáo đã dùng điện thoại liên lạc với anh Ngô Văn T để nhờ chuyển tiền vào tài khoản. Như vậy, xác định điện thoại của bị cáo Nông Văn T, Hoàng Văn C

liên quan đến hành vi phạm tội của các bị cáo nên cần tịch thu sung quỹ nhà nước.

Về đề nghị trả lại các điện thoại đang bị tạm giữ cho các bị cáo Hoàng Văn T, Hoàng Văn D: các bị cáo được dùng điện thoại để liên lạc với bị cáo Nông Văn T nhưng tại thời điểm đó các bị cáo chỉ nghĩ là đi đòi tiền nên đi cùng T, C. Hành vi cướp tài sản của các bị cáo chỉ xảy ra khi không đòi được tiền. Như vậy, xác định điện thoại của bị cáo Hoàng Văn T, Hoàng Văn D không liên quan đến hành vi phạm tội của các bị cáo nên cần trả lại cho các bị cáo.

[6]. Về xử lý vật chứng vụ án:

- 01 điện thoại di động màn hình cảm ứng, nhãn hiệu OPPO A3s; Imei1: 866531047597296; Imei2: 866531047597288, màu đen đã qua sử dụng tạm giữ đối với Lý Trần T.

- 01 điện thoại di động màn hình cảm ứng, nhãn hiệu VIVO Y3; Imei1: 863120050466616; Imei2: 863120050466608, màu đỏ đen đã qua sử dụng tạm giữ đối với Phạm Ngọc H.

- 01 điện thoại di động màn hình cảm ứng, nhãn hiệu Iphone 6 Plus; Imei: 352051074230415; màu xám đã qua sử dụng tạm giữ đối với Phạm Ngọc B.

- 01 nhẫn kim loại màu vàng, loại mỹ ký, đã qua sử dụng.

- 01 đồng hồ đeo tay, nhãn hiệu FNGEEN, màu bạc, có dây đeo bằng kim loại, cũ đã qua sử dụng;

(03 điện thoại, 01 nhẫn kim loại màu vàng, 01 đồng hồ đeo tay trên là tài sản của bị hại anh Trương Đình T2 nên trả lại cho anh T2. Do anh T2 hiện không có mặt tại địa phương nên mẹ đẻ là bà Trương Thị T sẽ nhận thay).

- 01 gậy rút có tay cầm màu đen, kéo dài ra có kích thước 64cm (đây là công cụ các bị cáo dùng để thực hiện hành vi phạm tội nên tịch thu tiêu hủy theo quy định của pháp luật).

- 01 điện thoại di động màn hình cảm ứng, màu vàng, nhãn hiệu OPPO thu giữ đối với Hoàng Văn D *(tại phiên tòa xác định không liên quan đến hành vi phạm tội nên trả lại cho bị cáo).*

- 01 điện thoại VIVO màn hình cảm ứng; số tiền 316.000 đồng thu giữ đối với Hoàng Văn T *(điện thoại không liên quan đến hành vi phạm tội nên trả lại cho bị cáo; số tiền là tiền do người phạm tội chiếm đoạt mà có nên trả lại cho chủ sở hữu).*

- 01 giấy biên nhận mua bán của Thành Công Moblie địa chỉ xóm P, xã C, huyện T tên khách hàng T; 01 điện thoại di động nhãn hiệu VIVO, màu xanh thu giữ đối với Hoàng Văn C *(điện thoại bị cáo sử dụng liên lạc thực hiện hành vi phạm tội nên tịch thu sung quỹ nhà nước; giấy biên nhận không có giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu hủy).*

- Số tiền 4.400.000 đồng; 01 điện thoại di động màn hình cảm ứng, màu xanh, nhãn hiệu OPPO A9 thu giữ đối với Nông Văn T *(điện thoại bị cáo sử dụng liên lạc thực hiện hành vi phạm tội nên tịch thu sung quỹ nhà nước; số tiền là tiền do người phạm tội chiếm đoạt mà có nên trả lại cho chủ sở hữu).*

- 01 thẻ ATM ngân hàng Agribank màu xanh mang tên NGO VAN THANG; 01 điện thoại di động Iphone, màu đen thu giữ đối với Ngô Văn T *(đây*

là các tài sản, đồ vật của anh T không liên quan đến hành vi phạm tội của các bị cáo nên trả lại cho anh T).

Cần truy thu đối với 04 bị cáo số tiền 3.500.000 đồng là tiền T1 chuyển cho (mỗi bị cáo bị truy thu 815.000 đồng).

[7]. Về trách nhiệm dân sự: Tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa, bị hại Trương Đình T2 và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Trương Thị T, Phạm Ngọc H yêu cầu các bị cáo phải bồi thường thiệt hại về tài sản. Do vậy, buộc các bị cáo phải bồi thường thiệt hại về tài sản cho anh T2, bà T và anh H. Cụ thể như sau:

- Buộc các bị cáo Nông Văn T, Hoàng Văn T, Hoàng Văn C và Hoàng Văn D phải bồi thường cho anh Phạm Ngọc H, sinh năm 1983; địa chỉ: tổ 4, thị trấn T, huyện T, Cao Bằng số tiền 1.700.000 đồng (mỗi bị cáo phải bồi thường số tiền 425.000 đồng).

- Buộc các bị cáo Nông Văn T, Hoàng Văn T, Hoàng Văn C và Hoàng Văn D phải bồi thường cho anh Trương Đình T2, sinh năm 1972; địa chỉ: xóm Đ, xã N, huyện Q, Nghệ An số tiền 12.000.000 đồng (mỗi bị cáo phải bồi thường 3.000.000 đồng). Do hiện nay anh T2 không có mặt tại địa phương nên mẹ đẻ của anh T2 là bà Trương Thị T, sinh năm 1947; địa chỉ: xóm Đ, xã N, huyện Q, Nghệ An sẽ nhận thay.

Tại phiên tòa, các bị cáo tự nguyện bồi thường tổn thất về tinh thần cho bị hại: Nông Văn T bồi thường 1.000.000 đồng; Hoàng Văn T bồi thường 500.000 đồng; C bồi thường 760.000 đồng; D bồi thường 500.000 đồng. Đây là sự tự nguyện của các bị cáo nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Phạm Ngọc B, Lý Trần T không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường số tiền đã mua điện thoại. Do vậy, Tòa án ghi nhận ý kiến của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[8]. Về hình phạt bổ sung: Xét thấy, các bị cáo làm nghề trồng trọt không có việc làm và thu nhập ổn định nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[9]. Về án phí: Các bị cáo, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm để sung vào ngân sách Nhà nước.

[10]. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo, bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Các bị cáo Nông Văn T, Hoàng Văn C, Hoàng Văn T và Hoàng Văn D phạm tội “*Cướp tài sản*”.

2. Về điều luật áp dụng và hình phạt:

Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 168, điểm b, s khoản 1 Điều 51, Điều 58 Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo. Áp dụng thêm điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Hoàng Văn C.

Xử phạt bị cáo Nông Văn T 08 (tám) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ 13/12/2020.

Xử phạt bị cáo Hoàng Văn C 08 (tám) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ 13/12/2020.

Xử phạt bị cáo Hoàng Văn T 07 (bảy) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ 13/12/2020.

Xử phạt bị cáo Hoàng Văn D 07 (bảy) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ 13/12/2020.

3. Về trách nhiệm dân sự và xử lý vật chứng:

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng các Điều 584, 585, 586, 587 và 589 của Bộ luật dân sự năm 2015 buộc các bị cáo phải liên đới bồi thường thiệt hại về tài sản cho bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan. Cụ thể như sau:

- Buộc các bị cáo Nông Văn T, Hoàng Văn T, Hoàng Văn C và Hoàng Văn D phải bồi thường cho anh Phạm Ngọc H, sinh năm 1983; địa chỉ: tổ 4, thị trấn T, huyện T, Cao Bằng số tiền 1.700.000 đồng (mỗi bị cáo phải bồi thường số tiền 425.000 đồng).

- Buộc các bị cáo Nông Văn T, Hoàng Văn T, Hoàng Văn C và Hoàng Văn D phải bồi thường cho anh Trương Đình T2, sinh năm 1972; địa chỉ: xóm Đ, xã N, huyện Q, Nghệ An số tiền 12.000.000 đồng (mỗi bị cáo phải bồi thường 3.000.000 đồng). Do hiện nay anh T2 không có mặt tại địa phương nên mẹ đẻ của anh T2 là bà Trương Thị T, sinh năm 1947; địa chỉ: xóm Đ, xã N, huyện Q, Nghệ An sẽ nhận thay.

Tại phiên tòa, các bị cáo tự nguyện bồi thường tổn thất về tinh thần cho bị hại: Nông Văn T bồi thường 1.000.000 đồng; Hoàng Văn T bồi thường 500.000 đồng; C bồi thường 760.000 đồng; D bồi thường 500.000 đồng. Đây là sự tự nguyện của các bị cáo nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Về vật chứng vụ án: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

- Trả lại cho bị hại Trương Đình T2: 01 điện thoại di động màn hình cảm ứng, nhãn hiệu OPPO A3s; Imei1: 866531047597296; Imei2: 866531047597288, màu đen đã qua sử dụng tạm giữ đối với Lý Trần T; 01 điện thoại di động màn hình cảm ứng, nhãn hiệu VIVO Y3; Imei1: 863120050466616; Imei2: 863120050466608, màu đỏ đen đã qua sử dụng tạm giữ đối với Phạm Ngọc H; 01 điện thoại di động màn hình cảm ứng, nhãn hiệu Iphone 6 Plus; Imei: 352051074230415; màu xám đã qua sử dụng tạm giữ đối với Phạm Ngọc B; 01 nhẫn kim loại màu vàng, loại mỹ ký, đã qua sử dụng; 01 đồng hồ đeo tay, nhãn hiệu FNGEEN, màu bạc, có dây đeo bằng kim loại, cũ đã qua sử dụng.

- Trả lại cho anh Ngô Văn T, sinh năm 1993; địa chỉ: tổ 4, thị trấn T, huyện T, Cao Bằng: 01 thẻ ATM ngân hàng Agribank màu xanh mang tên NGO VAN THANG; 01 điện thoại di động Iphone, màu đen thu giữ đối với Ngô Văn T.

- Tịch thu tiêu hủy: 01 gậy rút có tay cầm màu đen, kéo dài ra có kích thước 64cm; 01 giấy biên nhận mua bán của Thành Công Moblie địa chỉ xóm P, xã C, huyện T tên khách hàng T.

- Tịch thu sung quỹ nhà nước: 01 điện thoại di động nhãn hiệu VIVO, màu xanh thu giữ đối với Hoàng Văn C; 01 điện thoại di động màn hình cảm ứng, màu xanh, nhãn hiệu OPPO A9 thu giữ đối với Nông Văn T.

- Trả lại cho bị cáo D 01 điện thoại di động màn hình cảm ứng, màu vàng, nhãn hiệu OPPO thu giữ đối với Hoàng Văn D; trả lại cho bị cáo Hoàng Văn T 01 điện thoại VIVO màn hình cảm ứng thu giữ đối với Hoàng Văn T.

Xác nhận số vật chứng trên đang được bảo quản tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, theo biên bản giao vật chứng ngày 19/4/2021.

Truy thu đối với 04 bị cáo số tiền 3.500.000 đồng là tiền T1 chuyển cho (mỗi bị cáo bị truy thu 815.000 đồng).

Như vậy, số tiền của các bị cáo bị tạm giữ và tiền gia đình các bị cáo đã nộp vào Chi cục Thi hành án dân sự huyện T được xử lý như sau:

Bị cáo Nông Văn T: số tiền bị thu giữ 4.400.000 đồng + 5.000.000 đồng khắc phục hậu quả - (815.000 đồng truy thu + 3.000.000 đồng bồi thường cho anh T2 + 425.000 đồng bồi thường cho anh H + 1.000.000 đồng bồi thường tổn thất về tinh thần cho anh T2) = 4.160.000 đồng. Số tiền 4.160.000 đồng còn lại cần trả lại cho bị cáo T nhưng tiếp tục tạm giữ để bảo đảm thi hành án.

Bị cáo Hoàng Văn T: số tiền bị thu giữ 316.000 đồng + 5.000.000 đồng khắc phục hậu quả - (815.000 đồng truy thu + 3.000.000 đồng bồi thường cho anh T2 + 425.000 đồng bồi thường cho anh H + 500.000 đồng bồi thường tổn thất về tinh thần cho anh T2) = 576.000 đồng. Số tiền 576.000 đồng còn lại cần trả lại cho bị cáo T nhưng tiếp tục tạm giữ để bảo đảm thi hành án.

Bị cáo Hoàng Văn C: số tiền 5.000.000 đồng khắc phục hậu quả - (815.000 đồng truy thu + 3.000.000 đồng bồi thường cho anh T2 + 425.000 đồng bồi thường cho anh H + 760.000 đồng bồi thường tổn thất về tinh thần cho anh T2). Đã xử lý hết.

Bị cáo Hoàng Văn D: số tiền 5.000.000 đồng khắc phục hậu quả - (815.000 đồng truy thu + 3.000.000 đồng bồi thường cho anh T2 + 425.000 đồng bồi thường cho anh H + 500.000 đồng bồi thường tổn thất về tinh thần cho anh T2) = 260.000 đồng. Số tiền 260.000 đồng cần trả lại cho bị cáo D nhưng tiếp tục tạm giữ để bảo đảm thi hành án.

Xác nhận gia đình các bị cáo đã nộp tổng số tiền 20.000.000 đồng (mỗi bị cáo 5.000.000 đồng) để khắc phục hậu quả theo các biên lai đánh số từ số 0004051 đến 0004054 ngày 12/4/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T.

Đối với các tài sản, tiền được tuyên trả lại hoặc bồi thường cho bị hại Trương Đình T2, mẹ đẻ của anh Thi là bà Trương Thị T, sinh năm 1947; địa chỉ: xóm Đ, xã N, huyện Q, Nghệ An sẽ nhận thay anh T2).

4. Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự, Điều 23 Nghị quyết số: 326/NQ-UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Các bị cáo Nông Văn T, Hoàng Văn T, Hoàng Văn C và Hoàng Văn D mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm sung quỹ Nhà nước.

5. Về quyền kháng cáo: Căn cứ các Điều 331, 333 Bộ luật tố tụng hình sự: Bị cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cao Bằng; PKTNV
Tòa án nhân dân tỉnh Cao Bằng;
- VKSND huyện, tỉnh;
- Công an huyện, Trại tạm giam;
- Các bị cáo; người có QLNVLQ;
- Người bào chữa; bị hại;
- Chi cục THADS huyện;
- Sở tư pháp Cao Bằng;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

La Văn Viên